|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THPT DƯƠNG VĂN DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** |
| **KẾ HOẠCH KIỂM TRA GIỮA KÌ MÔN SINH HỌC** | |
| **NĂM HỌC: 2021 – 2022** | |

Căn cứ:

- Kế hoạch dạy học (thích ứng Covid-19) của trường THPT Dương Văn Dương;

- Kế hoạch dạy học của tổ bộ môn Sinh học;

Tôi xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá định kì cuối học kì I như sau:

**Phương án 1:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Bài kiểm tra** | **Thời gian** | **Tuần thực hiện** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** | **Ghi chú** |
| **10** | **KTrĐGđk CK** | 45 phút | 18 | **Nhận biết:**  - Liệt kê được thành phần cơ bản của một tế bào.  - Xác định vị trí, hình dạng, mô tả được cấu tạo và chức năng của của các bào quan: nhân tế bào; lưới nội chất; ribôxôm; bộ máy gôngi.  - Trình bày được khái niệm trao đổi chất ở tế bào, khái niệm và cơ chế của các con đường vận chuyển các chất qua màng.  - Nêu được khái niệm năng lượng, động năng và thế năng, ATP, enzim.  - Liệt kê được các dạng năng lượng trong tế bào.  - Nêu được cấu trúc và chức năng của ATP, enzim.  - Nêu được nguyên liệu, sản phẩm của quá trình hô hấp tế bào  **Thông hiểu:**  - Phân biệt được tế bào nhân sơ với tế bào nhân thực; tế bào thực vật với tế bào động vật.  - Phân biệt được cơ chế các hình thức vận chuyển các chất qua màng sinh chất.  **Vận dụng:**  - Mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng của bào quan phù hợp với từng loại tế bào của cơ thể.  - Giải thích được ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến hoạt tính của enzim trong các tình huống thực tế.  **Vận dụng cao:**  - Giải thích ứng dụng tế bào nhân sơ trong y học: plasmit, vi khuẩn gram âm và gram dương.  - Vận dụng những hiểu biết về sự vận chuyển các chất qua màng sinh chất để giải thích một số hiện tượng thực tiễn (muối dưa, muối cà). | Trắc nghiệm trực tuyến trên hệ thống K12online | HS bị lỗi mạng khi làm bài có thể được làm lại bài khác cùng mức độ trên hệ thống, GVBM xem xét trường hợp các HS bị lỗi mạng và thiết lập bài kiểm tra bổ sung |
| **11** | **KTrĐGđk CK** | 45 phút | 18 | **Nhận biết:**  - Nêu được vai trò của quang hợp.  - Trình bày được cơ quan, bào quan, hệ sắc tố quang hợp ở thực vật.  - Trình được ảnh hưởng của các nhân tố ngoại cảnh đến quá trình quang hợp.  - Nêu được khái niệm năng suất kinh tế và năng suất sinh học.  - Nêu được khái niệm của quá trình hô hấp ở thực vật.  - Nhận ra các nhân tố ngoại cảnh có ảnh hưởng đến quá trình hô hấp.  **Thông hiểu:**  - Mô tả sơ đồ vai trò của hệ sắc tố quang hợp.  - Phân biệt được đặc điểm quang hợp ở các nhóm thực vật C3, C4, CAM.  - Giải thích được vai trò của quang hợp đối với năng suất.  - Phân biệt được các con đường hô hấp ở thực vật.  - Giải thích được mối quan hệ giữa quang hợp và hô hấp.  - Giải thích nguyên nhân xảy ra hô hấp sáng.  **Vận dụng:**  - Phát hiện ra mối tương quan giữa pha sáng và pha tối của quang hợp.  - Giải thích được ý nghĩa của hô hấp đối với sự sống.  - Giải thích những hiện tượng xảy ra trong quá trình thực hiện thí nghiệm chiết tách các sắc tố diệp lục và carôtenôit, phát hiện hô hấp ở thực vật.  **Vận dụng cao:**  - Đề xuất các biện pháp bảo quản nông sản và nâng cao năng suất cây trồng. | Trắc nghiệm trực tuyến trên hệ thống K12online | HS bị lỗi mạng khi làm bài có thể được làm lại bài khác cùng mức độ trên hệ thống, GVBM xem xét trường hợp các HS bị lỗi mạng và thiết lập bài kiểm tra bổ sung |
| **12TN** | **KTrĐGđk CK** | 45 phút | 18 | **Nhận biết**  - Nêu được nguồn vật liệu chọn giống, các bước chọn giống từ nguồn biến dị tổ hợp, khái niệm ưu thế lai.  - Nêu được quy trình tạo giống của ưu thế lai cao.  - Trình bày được đối tượng và các bước của phương pháp chọn giống bằng phương pháp gây đột biến.  - Kể tên thành tựu của các phương pháp gây đột biến  - Xác định cơ sở di truyền của ưu thế lai: giả thuyết siêu trội  - Trình bày được quy trình thực hiện của mỗi phương pháp lai tế bào sinh dưỡng, nuôi cấy mô, nuôi cấy hạt phấn và noãn đơn bội  - Trình bày được nguyên liệu, phương pháp và kết quả tạo giống mới bằng công nghệ tế bào ở động và thực vật.  - Nêu được quy trình tiến hành của mỗi phương pháp nhân bản vô tính; cấy truyền phôi.  - Nêu được khái niệm công nghệ gen, DNA tái tổ hợp  - Nêu được các quy trình 3 bước của kỹ thuật chuyển gen.  - Nhận biết sinh vật biến đổi gen.  - Liệt kê được một số tật và bệnh di truyền ở người.  - Nêu được nguyên nhân, hậu quả của bệnh ung thư, các biện pháp của liệu pháp gen.  - Nêu được một số vấn đề xã hội của di truyền học.  - Nhận biết được khái niệm phả hệ, sơ đồ phả hệ.  - Trình bày được một số biện pháp bảo vệ vốn gen của loài người.  - Nêu được khái niệm: Cơ quan tương đồng, cơ quan tương tự, cơ quan thoái hóa, ý nghĩa của thuyết cấu tạo tế bào, sự thống nhất trong cấu trúc của ADN và prôtêin các loài.  - Nhận dạng được bằng chứng tế bào học và bằng chứng sinh học phân tử.  - Biết được các khái niệm: Biến dị cá thể, đấu tranh sinh tồn, phân li tính trạng, chọn lọc tự nhiên, chọn lọc nhân tạo.  - Nêu được nguyên nhân, cơ chế tiến hóa (chọn lọc tự nhiên và chon lọc nhân tạo)  - Nêu khái niệm tiến hóa nhỏ, tiến hóa lớn.  - Nêu được đặc điểm 5 nhân tố tiến hóa.  **Thông hiểu**  - Hiểu được ý nghĩa của các phương pháp, đối tượng nào áp dụng hiệu quả nhất  - Phân biệt được bệnh di truyền phân tử và hội chứng bệnh liên quan đến đột biến nhiễm sắc thể.  - Phân biệt được cơ quan tương đồng, cơ quan tương tự, cơ quan thoái hóa.  - Phân biệt được bằng chứng trực tiếp và bằng chứng gián tiếp.  - Phân biệt được chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo.  - Phân biệt được nguồn biến di sơ cấp và nguồn biến dị thứ cấp.  - Phân biệt được thuyết tiến hóa của Dacuyn với thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại.  - Hiểu đươc chiều hướng tiến hóa theo thuyết tiến hoá tổng hợp.  **Vận dụng:**  **-** Xác định giao tử  - Tính tỉ lệ kiểu gen, kiểu hình đời con qua các quy luật di truyền  - Tính tần số alen, tần số kiểu gen có 3 alen nằm trên NST thường và gen có 2 alen nằm trên NST giới tính.  - Xác định cấu trúc di truyền của quần thể tự phối, ngẫu phối, xác định tỉ lệ các kiểu hình, từng loại kiểu hình qua các thế hệ.  **-** Xác định trạng thái cân bằng di truyền của quần thể (đối với gen có 3 alen nằm trên NST thường).  - Xác định được phép lai nào cho ưu thế lai cao.  - Giải thích vì sao không dùng con lai F1 làm giống  - Giải thích dâu tằm tam bội được hình thành như thế nào.  - Tại sao phải dùng hóa chất conxisin trong phương pháp gây đột biến.  - Giải thích tại sao Plasmit được sử dụng làm thể truyền.  - Giải thích tại sao thường dùng vi khuẩn E.Coli làm tế bào nhận.  - Phân tích phả hệ một số bệnh di truyền ở người.  **Vận dụng cao**  - Cho cấu trúc di truyền ở Fn 🡪 xác định cấu trúc di truyền P.  - Tính được xác suất biểu hiện bệnh lí ở đời con. | Trắc nghiệm trực tuyến trên hệ thống K12online | HS bị lỗi mạng khi làm bài có thể được làm lại bài khác cùng mức độ trên hệ thống, GVBM xem xét trường hợp các HS bị lỗi mạng và thiết lập bài kiểm tra bổ sung |
| **12XH** | **KTrĐGđk CK** | 45 phút | 18 | **Nhận biết**  - Nêu được nguồn vật liệu chọn giống, các bước chọn giống từ nguồn biến dị tổ hợp, khái niệm ưu thế lai.  - Nêu được quy trình tạo giống của ưu thế lai cao.  - Trình bày được đối tượng và các bước của phương pháp chọn giống bằng phương pháp gây đột biến.  - Kể tên thành tựu của các phương pháp gây đột biến  - Xác định cơ sở di truyền của ưu thế lai: giả thuyết siêu trội  - Trình bày được quy trình thực hiện của mỗi phương pháp lai tế bào sinh dưỡng, nuôi cấy mô, nuôi cấy hạt phấn và noãn đơn bội  - Trình bày được nguyên liệu, phương pháp và kết quả tạo giống mới bằng công nghệ tế bào ở động và thực vật.  - Nêu được quy trình tiến hành của mỗi phương pháp nhân bản vô tính; cấy truyền phôi.  - Nêu được khái niệm công nghệ gen, DNA tái tổ hợp  - Nêu được các quy trình 3 bước của kỹ thuật chuyển gen.  - Nhận biết sinh vật biến đổi gen.  - Liệt kê được một số tật và bệnh di truyền ở người.  - Nêu được nguyên nhân, hậu quả của bệnh ung thư, các biện pháp của liệu pháp gen.  - Nêu được một số vấn đề xã hội của di truyền học.  - Nhận biết được khái niệm phả hệ, sơ đồ phả hệ.  - Trình bày được một số biện pháp bảo vệ vốn gen của loài người.  - Nêu được khái niệm: Cơ quan tương đồng, cơ quan tương tự, cơ quan thoái hóa, ý nghĩa của thuyết cấu tạo tế bào, sự thống nhất trong cấu trúc của ADN và prôtêin các loài.  - Nhận dạng được bằng chứng tế bào học và bằng chứng sinh học phân tử.  - Biết được các khái niệm: Biến dị cá thể, đấu tranh sinh tồn, phân li tính trạng, chọn lọc tự nhiên, chọn lọc nhân tạo.  - Nêu được nguyên nhân, cơ chế tiến hóa (chọn lọc tự nhiên và chon lọc nhân tạo)  - Nêu khái niệm tiến hóa nhỏ, tiến hóa lớn.  - Nêu được đặc điểm 5 nhân tố tiến hóa.  **Thông hiểu**  - Hiểu được ý nghĩa của các phương pháp, đối tượng nào áp dụng hiệu quả nhất  - Phân biệt được bệnh di truyền phân tử và hội chứng bệnh liên quan đến đột biến nhiễm sắc thể.  - Phân biệt được cơ quan tương đồng, cơ quan tương tự, cơ quan thoái hóa.  - Phân biệt được bằng chứng trực tiếp và bằng chứng gián tiếp.  - Phân biệt được chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo.  - Phân biệt được tiến hóa nhỏ và tiến hóa lớn.  - Phân biệt được nguồn biến di sơ cấp và nguồn biến dị thứ cấp.  - Phân biệt được thuyết tiến hóa của Dacuyn với thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại.  - Hiểu đươc chiều hướng tiến hóa theo thuyết tiến hoá tổng hợp.  **Vận dụng**  - Xác định cấu trúc di truyền của quần thể tự phối, ngẫu phối, xác định tỉ lệ các kiểu hình , từng loại kiểu hình qua các thế hệ.  **-** Xác định trạng thái cân bằng di truyền của quần thể.  - Xác định được phép lai nào cho ưu thế lai cao.  - Giải thích vì sao không dùng con lai F1 làm giống  - Giải thích dâu tằm tam bội được hình thành như thế nào.  - Tại sao phải dùng hóa chất conxisin trong phương pháp gây đột biến.  - Giải thích tại sao Plasmit được sử dụng làm thể truyền.  - Giải thích tại sao thường dùng vi khuẩn E.Coli làm tế bào nhận.  **Vận dụng cao**  - Cho cấu trúc di truyền ở Fn 🡪 xác định cấu trúc di truyền P. | Trắc nghiệm trực tuyến trên hệ thống K12online | HS bị lỗi mạng khi làm bài có thể được làm lại bài khác cùng mức độ trên hệ thống, GVBM xem xét trường hợp các HS bị lỗi mạng và thiết lập bài kiểm tra bổ sung |

**Phương án 2:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Bài kiểm tra** | **Thời gian** | **Tuần thực hiện** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** | **Ghi chú** |
| **10** | **KTrĐGđk CK** | 45 phút | 19 | **Nhận biết:**  - Mô tả được cấu tạo và chức năng của của các bào quan: nhân tế bào; lưới nội chất; ribôxôm; bộ máy gôngi.  - Trình bày được khái niệm và cơ chế của các con đường vận chuyển các chất qua màng.  - Nêu được cấu trúc và chức năng của ATP, enzim.  - Trình bày được cơ chế tác động của enzim.  - Nêu được nguyên liệu, sản phẩm của quá trình hô hấp tế bào.  **Thông hiểu:**  - Phân biệt được tế bào nhân sơ với tế bào nhân thực.  - Phân biệt được cơ chế các hình thức vận chuyển các chất qua màng sinh chất.  - Phân biệt các giai đoạn của quá trình hô hấp tế bào.  **Vận dụng:**  - Mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng của bào quan phù hợp với từng loại tế bào của cơ thể.  - Giải thích được ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến hoạt tính của enzim trong các tình huống thực tế.  **Vận dụng cao:**  - Giải thích ứng dụng tế bào nhân sơ trong y học: plasmit, vi khuẩn gram âm và gram dương.  - Vận dụng những hiểu biết về sự vận chuyển các chất qua màng sinh chất để giải thích một số hiện tượng thực tiễn (muối dưa, muối cà). | Tự luận ( khi HS đi học trực tiếp trở lại) | HS vắng có lí do chính đáng được kiểm tra bổ sung |
| **11** | **KTrĐGđk CK** | 45 phút | 19 | **Nhận biết:**  - Nêu được vai trò của quang hợp.  - Trình bày được cơ quan, bào quan, hệ sắc tố quang hợp ở thực vật.  - Trình được ảnh hưởng của các nhân tố ngoại cảnh đến quá trình quang hợp.  - Nêu được khái niệm của quá trình hô hấp ở thực vật.  - Nhận ra các nhân tố ngoại cảnh có ảnh hưởng đến quá trình hô hấp.  **Thông hiểu:**  - Mô tả sơ đồ vai trò của hệ sắc tố quang hợp.  - Phân biệt được đặc điểm quang hợp ở các nhóm thực vật C3, C4, CAM.  - Giải thích được vai trò của quang hợp đối với năng suất.  - Phân biệt được các con đường hô hấp ở thực vật.  - Giải thích được mối quan hệ giữa quang hợp và hô hấp.  - Giải thích nguyên nhân xảy ra hô hấp sáng.  **Vận dụng:**  - Phát hiện ra mối tương quan giữa pha sáng và pha tối của quang hợp.  - Giải thích được ý nghĩa của hô hấp đối với sự sống.  - Giải thích những hiện tượng xảy ra trong quá trình thực hiện thí nghiệm phát hiện hô hấp ở thực vật.  **Vận dụng cao:**  - Đề xuất các biện pháp bảo quản nông sản và nâng cao năng suất cây trồng. | Tự luận ( khi HS đi học trực tiếp trở lại) | HS vắng có lí do chính đáng được kiểm tra bổ sung |
| **12TN** | **KTrĐGđk CK** | 45 phút | 19 | **Nhận biết**  - Nêu được nguồn vật liệu chọn giống, các bước chọn giống từ nguồn biến dị tổ hợp, khái niệm ưu thế lai.  - Nêu được quy trình tạo giống của ưu thế lai cao.  - Trình bày được đối tượng và các bước của phương pháp chọn giống bằng phương pháp gây đột biến.  - Kể tên thành tựu của các phương pháp gây đột biến  - Xác định cơ sở di truyền của ưu thế lai: giả thuyết siêu trội  - Trình bày được quy trình thực hiện của mỗi phương pháp lai tế bào sinh dưỡng, nuôi cấy mô, nuôi cấy hạt phấn và noãn đơn bội  - Trình bày được nguyên liệu, phương pháp và kết quả tạo giống mới bằng công nghệ tế bào ở động và thực vật.  - Nêu được quy trình tiến hành của mỗi phương pháp nhân bản vô tính; cấy truyền phôi.  - Nêu được khái niệm công nghệ gen, DNA tái tổ hợp  - Nêu được các quy trình 3 bước của kỹ thuật chuyển gen.  - Nhận biết sinh vật biến đổi gen.  - Liệt kê được một số tật và bệnh di truyền ở người.  - Nêu được nguyên nhân, hậu quả của bệnh ung thư, các biện pháp của liệu pháp gen.  - Nêu được một số vấn đề xã hội của di truyền học.  - Nhận biết được khái niệm phả hệ, sơ đồ phả hệ.  - Trình bày được một số biện pháp bảo vệ vốn gen của loài người.  - Nêu được khái niệm: Cơ quan tương đồng, cơ quan tương tự, cơ quan thoái hóa, ý nghĩa của thuyết cấu tạo tế bào, sự thống nhất trong cấu trúc của ADN và prôtêin các loài.  - Nhận dạng được bằng chứng tế bào học và bằng chứng sinh học phân tử.  - Biết được các khái niệm: Biến dị cá thể, đấu tranh sinh tồn, phân li tính trạng, chọn lọc tự nhiên, chọn lọc nhân tạo.  - Nêu được nguyên nhân, cơ chế tiến hóa (chọn lọc tự nhiên và chon lọc nhân tạo)  - Nêu khái niệm tiến hóa nhỏ, tiến hóa lớn.  - Nêu được đặc điểm 5 nhân tố tiến hóa.  **Thông hiểu**  - Hiểu được ý nghĩa của các phương pháp, đối tượng nào áp dụng hiệu quả nhất  - Phân biệt được bệnh di truyền phân tử và hội chứng bệnh liên quan đến đột biến nhiễm sắc thể.  - Phân biệt được cơ quan tương đồng, cơ quan tương tự, cơ quan thoái hóa.  - Phân biệt được bằng chứng trực tiếp và bằng chứng gián tiếp.  - Phân biệt được chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo.  - Phân biệt được nguồn biến di sơ cấp và nguồn biến dị thứ cấp.  - Phân biệt được thuyết tiến hóa của Dacuyn với thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại.  - Hiểu đươc chiều hướng tiến hóa theo thuyết tiến hoá tổng hợp.  **Vận dụng:**  **-** Xác định giao tử  - Tính tỉ lệ kiểu gen, kiểu hình đời con qua các quy luật di truyền  - Tính tần số alen, tần số kiểu gen có 3 alen nằm trên NST thường và gen có 2 alen nằm trên NST giới tính.  - Xác định cấu trúc di truyền của quần thể tự phối, ngẫu phối, xác định tỉ lệ các kiểu hình, từng loại kiểu hình qua các thế hệ.  **-** Xác định trạng thái cân bằng di truyền của quần thể (đối với gen có 3 alen nằm trên NST thường).  - Xác định được phép lai nào cho ưu thế lai cao.  - Giải thích vì sao không dùng con lai F1 làm giống  - Giải thích dâu tằm tam bội được hình thành như thế nào.  - Tại sao phải dùng hóa chất conxisin trong phương pháp gây đột biến.  - Giải thích tại sao Plasmit được sử dụng làm thể truyền.  - Giải thích tại sao thường dùng vi khuẩn E.Coli làm tế bào nhận.  - Phân tích phả hệ một số bệnh di truyền ở người.  **Vận dụng cao**  - Cho cấu trúc di truyền ở Fn 🡪 xác định cấu trúc di truyền P.  - Tính được xác suất biểu hiện bệnh lí ở đời con. | Trắc nghiệm kết hợp với tự luận theo tỉ lệ 7:3 ( khi HS đi học trực tiếp trở lại) | HS vắng có lí do chính đáng được kiểm tra bổ sung |
| **12XH** | **KTrĐGđk CK** | 45 phút | 18 | **Nhận biết**  - Nêu được nguồn vật liệu chọn giống, các bước chọn giống từ nguồn biến dị tổ hợp, khái niệm ưu thế lai.  - Nêu được quy trình tạo giống của ưu thế lai cao.  - Trình bày được đối tượng và các bước của phương pháp chọn giống bằng phương pháp gây đột biến.  - Kể tên thành tựu của các phương pháp gây đột biến  - Xác định cơ sở di truyền của ưu thế lai: giả thuyết siêu trội  - Trình bày được quy trình thực hiện của mỗi phương pháp lai tế bào sinh dưỡng, nuôi cấy mô, nuôi cấy hạt phấn và noãn đơn bội  - Trình bày được nguyên liệu, phương pháp và kết quả tạo giống mới bằng công nghệ tế bào ở động và thực vật.  - Nêu được quy trình tiến hành của mỗi phương pháp nhân bản vô tính; cấy truyền phôi.  - Nêu được khái niệm công nghệ gen, DNA tái tổ hợp  - Nêu được các quy trình 3 bước của kỹ thuật chuyển gen.  - Nhận biết sinh vật biến đổi gen.  - Liệt kê được một số tật và bệnh di truyền ở người.  - Nêu được nguyên nhân, hậu quả của bệnh ung thư, các biện pháp của liệu pháp gen.  - Nêu được một số vấn đề xã hội của di truyền học.  - Nhận biết được khái niệm phả hệ, sơ đồ phả hệ.  - Trình bày được một số biện pháp bảo vệ vốn gen của loài người.  - Nêu được khái niệm: Cơ quan tương đồng, cơ quan tương tự, cơ quan thoái hóa, ý nghĩa của thuyết cấu tạo tế bào, sự thống nhất trong cấu trúc của ADN và prôtêin các loài.  - Nhận dạng được bằng chứng tế bào học và bằng chứng sinh học phân tử.  - Biết được các khái niệm: Biến dị cá thể, đấu tranh sinh tồn, phân li tính trạng, chọn lọc tự nhiên, chọn lọc nhân tạo.  - Nêu được nguyên nhân, cơ chế tiến hóa (chọn lọc tự nhiên và chon lọc nhân tạo)  - Nêu khái niệm tiến hóa nhỏ, tiến hóa lớn.  - Nêu được đặc điểm 5 nhân tố tiến hóa.  **Thông hiểu**  - Hiểu được ý nghĩa của các phương pháp, đối tượng nào áp dụng hiệu quả nhất  - Phân biệt được bệnh di truyền phân tử và hội chứng bệnh liên quan đến đột biến nhiễm sắc thể.  - Phân biệt được cơ quan tương đồng, cơ quan tương tự, cơ quan thoái hóa.  - Phân biệt được bằng chứng trực tiếp và bằng chứng gián tiếp.  - Phân biệt được chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo.  - Phân biệt được tiến hóa nhỏ và tiến hóa lớn.  - Phân biệt được nguồn biến di sơ cấp và nguồn biến dị thứ cấp.  - Phân biệt được thuyết tiến hóa của Dacuyn với thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại.  - Hiểu đươc chiều hướng tiến hóa theo thuyết tiến hoá tổng hợp.  **Vận dụng**  - Xác định cấu trúc di truyền của quần thể tự phối, ngẫu phối, xác định tỉ lệ các kiểu hình , từng loại kiểu hình qua các thế hệ.  **-** Xác định trạng thái cân bằng di truyền của quần thể.  - Xác định được phép lai nào cho ưu thế lai cao.  - Giải thích vì sao không dùng con lai F1 làm giống  - Giải thích dâu tằm tam bội được hình thành như thế nào.  - Tại sao phải dùng hóa chất conxisin trong phương pháp gây đột biến.  - Giải thích tại sao Plasmit được sử dụng làm thể truyền.  - Giải thích tại sao thường dùng vi khuẩn E.Coli làm tế bào nhận.  **Vận dụng cao**  - Cho cấu trúc di truyền ở Fn 🡪 xác định cấu trúc di truyền P. | Trắc nghiệm ( khi HS đi học trực tiếp trở lại) | HS vắng có lí do chính đáng được kiểm tra bổ sung |

|  |  |
| --- | --- |
| **HIỆU TRƯỞNG (ký duyệt)**  (Ký tên, ghi rõ họ tên) | **TỔ TRƯỞNG**  (Ký tên, ghi rõ họ tên)  **Huỳnh Thị Tuyết Nhung** |
| ***Nơi nhận:***  *BLĐ (để k/tra, đ/giá, b/cáo);*  *GVBM (để th/hiện);*  *Lưu: Hồ sơ tổ chuyên môn;* |  |